

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-PT

Ngày 13/02/2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (vàng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (vàng).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị V;

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Vào ngày 14/11/2013, bà có cho bà V vay 11 chỉ vàng 24K, tiền lãi tính 100.000 đồng/tháng/chỉ vàng 24K, tương đương tiền lãi mỗi tháng là 1.100.000 đồng. Bà giao vàng cho bà V 02 lần, lần thứ nhất giao 09 chỉ tại nhà bà, có bà Lý Thị Mỹ Ch chứng kiến, lần thứ hai giao 02 chỉ tại nhà bà V, không có ai

chứng kiến. Do tin tưởng bà V nên bà không có làm giấy tờ. Sau khi vay, bà V có đóng lãi cho bà 02 lần, lần thứ nhất đóng lãi được 4.400.000 đồng, lần thứ hai đóng lãi được 3.000.000 đồng, tổng cộng 7.400.000 đồng, sau đó bà V không đóng lãi cho bà nữa. Đến năm 2020, bà V có trả vàng cho bà 04 lần được 04 chỉ vàng 24K, còn lại 07 chỉ vàng 24K từ đó đến nay bà V chưa trả và cũng không đóng lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả cho bà số vàng vay còn nợ là 07 chỉ vàng 24K, giá tạm tính tại thời điểm khởi kiện là 52.850.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị V trình bày:

Bà không có nợ bà H 07 chỉ vàng 24K như lời trình bày và yêu cầu của bà H. Người vay 11 chỉ vàng 24K của bà H là bà Phạm Thị Th (em dâu của bà), còn bà chỉ là người giới thiệu bà H cho bà Th vay vàng. Sau khi vay, bà Th và bà H mới thỏa thuận là bà Th sẽ chơi 01 chân hụi vàng của bà H để trả 11 chỉ vàng 24K đã vay của bà H. Bà Th có xin bà H hốt hụi nhưng bà H không cho. Bà Th trực tiếp đóng hụi cho bà H được 06 lần với số vàng là 06 chỉ vàng 24K, sau đó do bà Th không có khả năng đóng hụi nữa nên bà Th mới sang chân hụi vàng cho bà để bà đóng hụi giùm cho bà Th, bà đóng hụi cho bà H được thêm 05 lần với số vàng là 05 chỉ vàng 24K thì bà không có khả năng đóng hụi nữa, lúc này giữa bà H với bà và bà Th mới thỏa thuận là bà Th và bà đã đóng hụi cho bà H được 11 lần với số vàng là 11 chỉ vàng 24K thì xem như bà Th không còn nợ 11 chỉ vàng 24K của bà H nữa, chân hụi vàng thì bà H tiếp tục đóng và được hưởng. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án số 290/2024/DS-ST ngày 29/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 24, khoản 1 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, về việc yêu cầu bà Lê Thị V trả cho bà số vàng vay còn nợ 07 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 05/12/2024, bà H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H không rút lại đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lê Thị H đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3] Bà H cho rằng vào ngày 14/11/2013, bà có cho bà V vay 11 chỉ vàng 24K, thỏa thuận lãi suất 100.000 đồng/tháng/01 chỉ vàng 24K, việc vay chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ, bà giao vàng cho bà V 02 lần, lần thứ nhất giao 09 chỉ tại nhà bà, có bà Lý Thị Mỹ Ch chứng kiến và lần thứ hai giao 02 chỉ tại nhà bà V không ai chứng kiến; sau khi vay, bà V trả lãi cho bà được 02 lần, lần thứ nhất 4.400.000 đồng, lần thứ hai 3.000.000 đồng, tổng cộng 7.400.000 đồng và ngưng trả lãi luôn cho đến nay; đến năm 2020, bà V trả cho bà được 04 chỉ vàng 24K, còn 07 chỉ chưa trả. Bà V thì không thừa nhận có vay, nợ bà H số vàng nêu trên và cho rằng, bà Phạm Thị Th (em dâu của bà) mới là người vay vàng bà H, bà chỉ là người giới thiệu.

[4] Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*”. Theo quy định này, bà H là người phải có nghĩa vụ chứng minh. Bà H cho rằng lúc giao 09 chỉ vàng 24K cho bà V tại nhà bà thì có bà Ch biết. Tại biên bản lấy khai ngày 08/11/2024, bà Ch khai: “*Trước đây đã lâu không nhớ rõ ngày tháng năm nào, bà Ch có đến nhà bà H chơi, khi đó bà Ch có thấy bà H giao vàng cho bà V nhưng giao bao nhiêu vàng và giao vàng nhằm mục đích gì thì bà Ch không rõ. Sau đó, bà Ch có nghe bà V và bà H nhiều lần nói là bà V có hỏi vay của bà H 11 chỉ vàng 24K và bà V còn nợ vàng bà H, còn việc tính đến thời điểm hiện nay bà V đã trả cho bà H được bao nhiêu vàng và còn nợ lại bà H bao nhiêu vàng thì bà Ch không rõ*” (bút lục 37). Lời khai này của bà Ch cũng chưa đủ cơ sở xác định bà V có vay của bà H 11 chỉ vàng 24K. Mặt khác, theo lời trình bày của bà V thì bà Th mới là người vay vàng của bà H. Tại biên bản lấy khai ngày 07/11/2024, bà Th xác nhận cách đây khoảng 10 năm, bà có vay của bà H 11 chỉ vàng 24K, còn bà V chỉ là người giới thiệu bà H cho bà vay vàng (bút lục 33).

[5] Như vậy, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà V có vay của bà 11 chỉ vàng 24K, đã trả được 04 chỉ vàng 24K, còn nợ lại 07 chỉ vàng 24K chưa trả. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà là đúng.

[6] Bà H kháng cáo yêu cầu xem xét, giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, nhưng bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà H, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm*” và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này cũng quy định những trường hợp được miễn nộp tiền án phí trong đó có đối tượng là người cao tuổi. Như vậy, bà H là người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận và bà là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 290/2024/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể:

Tuyên xử:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H, về việc yêu cầu bà Lê Thị V trả 07 (bảy) chỉ vàng 24K.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H được miễn.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H được miễn.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Kế Sách;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm